

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 342/2025/DS-PT
Ngày: 02/6/2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Võ Thị Thu Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tố Trang - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 5 và ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST, ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 872/2025/QĐ-PT ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Việt Minh H, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Số C, khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H:
Luật sư Nguyễn Trà Duy L - thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.

2. Bị đơn: Huỳnh Hải Y, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Trung T, sinh năm 1979;
Địa chỉ: A - T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Do có kháng cáo của bị đơn Huỳnh Hải Y;

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, luật sư Duy L, chị Y, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, chị H trình bày:* Chị H và gia đình chị Y có quen biết nhau hơn 10 năm nên chị rất tin tưởng chị Y và cho chị Y vay tiền nhiều lần, vào tháng 3 năm 2021 chị H có cho chị Y vay 900.000.000 đồng, thỏa thuận trả tiền lãi là 8.000.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 24/7/2023 chị H trình bày: Từ tháng 01 năm 2021 đến ngày 11/9/2021, chị H có cho chị Y vay tổng cộng 9.100.000.000 đồng, chị Y có chuyển khoản trả lại cho chị H 5.261.150.000 đồng, còn nợ lại 3.838.850.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2024 chị H trình bày: Chị Y vay tiền của chị nhiều lần đến tháng 3 năm 2021 chị Y còn nợ chị số tiền 9.000.000.000 đồng.

Theo công văn số 1836/BIDV.TG-QLRR ngày 04/11/2024 của Ngân hàng Đ - Chi nhánh T2 thì từ ngày 01/01/2021 đến ngày 11/9/2021 thì chị H đã chuyển cho chị Y 510 lần với tổng số tiền 175.343.812.000 đồng. Và từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/02/2022 chị Y có chuyển tiền cho chị H 551 lần với tổng số tiền 160.225.590.000 đồng nên chị Y còn nợ chị H số tiền 15.118.222.000 đồng.

Nay chị H yêu cầu chị Y trả 900.000.000 đồng vốn và 697.993.940 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/12/2024 là 03 năm 09 tháng (45 tháng)) và 15.118.222.000 đồng vốn và 4.155.848.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày 01/12/2024). Tổng cộng là 19.274.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu chị Y trả 900.000.000 đồng vốn và 367.632.000 đồng tiền lãi và 14.218.222.000 đồng tiền vốn (xin rút tiền lãi 4.155.848.000 đồng). Tổng cộng là 15.485.854.000 đồng.

** Bị đơn chị Y trình bày:* Chị Y không đồng ý toàn bộ yêu cầu của chị H. Do chị Y chỉ nợ chị H khoản tiền 900.000.000 đồng và khoản tiền 3.900.000.000 đồng. Chị Y đã trả 5.200.000.000 đồng (chuyển khoản và trả tiền mặt, không có làm biên nhận), trong đó vốn 4.800.000.000 đồng và 400.000.000 đồng tiền lãi. Tiền chị Y nhận của chị H là để chị Y cho người khác mượn lại để đáo hạn Ngân hàng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST, ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã Quyết định:

Căn cứ Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu chị Y trả 4.155.848.000 đồng tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Việt Minh H.

Buộc chị Huỳnh Hải Y trả cho chị Phạm Việt Minh H số tiền vốn 900.000.000 đồng và tiền lãi 367.632.000 đồng và số tiền vốn 14.218.222.000 đồng. Tổng cộng là 15.485.854.000 đồng (mười lăm tỉ bốn trăm tám mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: chị Huỳnh Hải Y phải chịu 123.485.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho chị H 56.987.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021230, ngày 08/12/2022 và số tiền 60.764.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012181 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 17/02/2025, bị đơn Huỳnh Hải Y kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Hải Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn chị Phạm Việt Minh H đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, chị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 900.000.000 đồng, sửa một phần án sơ thẩm;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn Phạm Việt Minh H đưa ra nhiều luận cứ cho rằng những lập luận của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ, các ủy nhiệm chi mà bị đơn cung cấp là khoản nợ mà chị Y nợ chị H và có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác; Đối với các lập luận khác trong đơn kháng cáo của chị Y là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Y, sửa một phần bản án sơ thẩm do chị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 900.000.000 đồng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm với những vấn đề mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ:

Có phát sinh 06 ủy nhiệm chi do bị đơn cung cấp cũng phát sinh trong giai đoạn chị H và chị Y chuyển tiền cho nhau với số tiền 7.700.000.000 đồng;

Ngày 22/02/2021, chị H chuyển cho chị Y 950.000.000 đồng trong đó có 500.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua nhà, 450.000.000 đồng là tiền đáo hạn ngân hàng không nằm trong số tiền 175.343.812.000 đồng;

Ngày 06/7/2021, anh Nguyễn Bình T1 có chuyển khoản cho chị H 1.400.000.000 đồng nhận thay cho chị Y và chị H có nghĩa vụ chuyển lại cho chị Y khoản này phải được trừ ra trong số tiền 175.343.812.000 đồng;

Ngày 31/8/2021, chị Nguyễn Thị Ngọc L1 có chuyển khoản cho chị H 1.100.000.000 đồng nhận thay cho chị Y và chị H có nghĩa vụ chuyển lại cho chị Y khoản này phải được trừ ra trong số tiền 175.343.812.000 đồng;

Ngày 09/4/2021 và 20/4/2021, chị Y có giao tiền mặt cho chị H là 1.300.000.000 đồng;

Những khoản trên chị H không có trừ vào số tiền 175.343.812.000 đồng;

Do đề nghị hủy án sơ thẩm nên chưa xét đến kháng cáo của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của những người kháng cáo và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm thì những người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, có mặt các đương sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tình tiết phát sinh tại phiên Tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét việc giao kết hợp đồng vay tài sản trong năm 2019 giữa chị H và chị Y đối với số tiền 900.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị H cho rằng: Chị Y có mượn tiền chị H nhiều lần với số tiền 900.000.000 đồng từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/12/2019 bằng hình thức

chuyển khoản và nhận tiền mặt. Chị H không cung cấp được chứng cứ đã chuyển tiền cho chị Y từ thời gian trên;

Chị H căn cứ vào biên bản làm việc ngày 21/6/2022 chị Y thừa nhận có mượn chị H số tiền 900.000.000 đồng và biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2022 chị Y khai có nợ chị H số tiền vốn 900.000.000 đồng vào năm 2019 nên khởi kiện yêu cầu chị Y trả số tiền vay 900.000.000 đồng.

Chị Y cho rằng: Chị Y đã trả số tiền 900.000.000 đồng trong khoản tiền 5.200.000.000 đồng nên không có số tiền vay 900.000.000 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của đương sự thì chị H chỉ sử dụng hai số tài khoản là: 120000002734 – Ngân hàng N và 71010001844899 – Ngân hàng B; Chị Y sử dụng tài khoản 7100108583 – Ngân hàng B. Chị H cho rằng đã chuyển khoản cho chị Y từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/12/2019 và đưa bằng tiền mặt cho chị Y nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ tại Ngân hàng mà chị H đã chuyển khoản cho chị Y trong giai đoạn này và chưa làm rõ số tiền mặt là bao nhiêu để tổng lại số tiền vay 900.000.000 đồng;

Chưa xác định cụ thể hợp đồng vay có lãi suất hay không có lãi suất, thời hạn trả tiền. Trong khi các khoản chuyển tiền giữa chị H chuyển cho chị Y 175.343.812.000 đồng và chị Y chuyển cho H 160.225.590.000 đồng giữa hai bên thì không phát sinh lãi suất;

Do đó xác định đây có phải là khoản tiền vay hay là tiền hợp tác kinh doanh cho người khác mượn tiền để đáo hạn Ngân hàng như chị Y trình bày.

[2.2]. Xét việc chuyển tiền mà chị H chuyển cho chị Y 510 lần từ ngày 01/01/2021 đến ngày 11/9/2021 với tổng số tiền 175.343.812.000 đồng và chị Y chuyển tiền cho chị H 551 lần từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/02/2022 với số tiền 160.225.590.000 đồng qua tài khoản tại Ngân hàng B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Công văn số 1836/BIDV.TG-QLRR ngày 04/11/2024 của Ngân hàng Đ - Chi nhánh T2 và lời thừa nhận của đương sự thì:

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 11/9/2021 thì chị H (số tài khoản 120000002734 và số tài khoản 71010001844899) đã chuyển cho chị Y (số tài khoản 7100108583) 510 lần với tổng số tiền 175.343.812.000 đồng;

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/02/2022 chị Y có chuyển tiền cho chị H 551 lần với tổng số tiền 160.225.590.000 đồng.

Từ chứng cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “*Chị H có chuyển cho chị Y tổng cộng 175.343.812.000 đồng và chị Y có chuyển tiền ngược lại cho chị H 160.225.590.000 đồng. Như vậy, số tiền chị H chuyển cho chị Y chênh lệch số tiền 15.118.222.000 đồng. Chị H đồng ý trừ 900.000.000 đồng của khoản nợ trên vào số tiền này (15.118.222.000 đồng – 900.000.000 đồng) nên còn lại số tiền 14.218.222.000 đồng*”;

Chị Y cho rằng đã trả cho chị H số tiền 3.900.000.000 đồng vốn (trong số tiền đã trả là 5.200.000.000 đồng, của khoản vay 900.000.000 đồng và khoản vay 3.900.000.000 đồng và 400.000.000 đồng tiền lãi). Xét thấy, chị H thừa nhận có nhận của chị Y tổng cộng là 160.225.590.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản (trong đó có số tiền 3.900.000.000 đồng) nhưng số tiền chị H chuyển cho chị Y có chênh lệch 15.118.222.000 đồng.

Nay chị H yêu cầu chị Y trả số tiền 14.218.222.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, chị Y có trách nhiệm trả cho chị H tổng cộng là 15.485.854.000 đồng (900.000.000 đồng + 367.632.000 đồng + 14.218.222.000 đồng)”;

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có cung cấp cho Tòa các ủy nhiệm chi như sau:

Ngày 22/3/2021, chị Y chuyển từ Ngân hàng B cho chị H vào Ngân hàng N số tiền 1.750.000.000 đồng;

Ngày 17/5/2021, chị Y chuyển từ Ngân hàng B cho chị H vào Ngân hàng N số tiền 1.000.000.000 đồng;

Ngày 18/5/2021, chị Y chuyển từ ngân hàng B cho chị H vào Ngân hàng NCB số tiền 1.500.000.000 đồng;

Ngày 21/5/2021, chị Y chuyển từ Ngân hàng B cho chị H vào Ngân hàng N số tiền 950.000.000 đồng;

Ngày 24/5/2021, chị Y chuyển từ Ngân hàng B cho chị H vào Ngân hàng N số tiền 1.500.000.000 đồng;

Ngày 22/3/2021, chị Y chuyển từ Ngân hàng B cho chị H vào Ngân hàng N số tiền 1.000.000.000 đồng;

Chị Y cho rằng các số tiền trên là chuyển trả trong tổng số tiền mà chị H đã chuyển cho chị Y là 175.343.812.000 đồng;

Ngoài ra chị Y còn cho rằng:

Ngày 22/02/2021, chị H có chuyển khoản cho chị Y 950.000.000 đồng trong đó có 500.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua nhà và 450.000.000 đồng là tiền đáo hạn Ngân hàng không nằm trong số tiền 175.343.812.000 đồng;

Ngày 06/7/2021, anh Nguyễn Bình T1 có chuyển khoản cho chị H 1.400.000.000 đồng nhận thay cho chị Y và chị H có nghĩa vụ chuyển lại cho chị Y khoản này phải được trừ ra trong số tiền 175.343.812.000 đồng;

Ngày 31/8/2021, chị Nguyễn Thị Ngọc L1 có chuyển khoản cho chị H 1.100.000.000 đồng nhận thay cho chị Y và chị H có nghĩa vụ chuyển lại cho chị Y khoản này phải được trừ ra trong số tiền 175.343.812.000 đồng;

Ngày 09/4/2021 và 20/4/2021 chị Y giao tiền mặt cho chị H là 1.300.000.000 đồng;

Những khoản trên chị H không có trừ vào số tiền 175.343.812.000 đồng;

Chị H cho rằng các khoản ủy nhiệm chi trên là các khoản vay khác nên có thể khởi kiện bằng một vụ án khác;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời trình bày và các ủy nhiệm chi (06 ủy nhiệm chi) thì phát sinh trong khoảng thời gian hai bên có chuyển tiền qua lại và chị H cũng thừa nhận chị H chỉ sử dụng hai tài khoản của hai Ngân hàng nêu trên để chuyển tiền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, điều tra, đối chiếu để làm rõ;

Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên Tòa phúc thẩm, Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung;

Vì án hủy nên chưa xét đến kháng cáo.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Y không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm: 02/2025/DS-ST, ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Huỳnh Hải Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho chị Y là 300.000 đồng theo biên lai thu số 588 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án vào lúc 09 giờ 15 phút, ngày 02/6/2025, có mặt Chị H, luật sư Duy L, chị Y, anh T.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu